

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



**BẢNG ĐIỂM CHUẨN XÉT TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2026 - 2027 (LẦN 2)**

(Kèm theo Thông báo số 4302 /TB-SGDĐT ngày 10/7/2026
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên trường	Điểm xét tuyển NV1			Điểm xét tuyển NV2		
		Điểm XT	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB Toán + Văn + Ngoại ngữ lớp 9	Điểm XT	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB Toán + Văn + Ngoại ngữ lớp 9
1	THPT An Dương	20.85	8.63				
2	THPT An Lão	18.25					
3	THPT Bạch Đằng	16.10			16.60		
4	THPT Bến Tắm	16.35	7.92		16.85	7.65	
5	THPT Bình Giang	21.25					
6	THPT Cẩm Giàng	21.25	8.20				
7	THPT Cẩm Giàng II	18.75	7.86	7.50			
8	THPT Cát Bà	13.50					
9	THPT Cát Hải	14.75	5.81		15.25		
10	THPT Cầu Xe	17.00					
11	THPT Chí Linh	21.75	9.02				
12	THPT Chu Văn An	14.75	6.91		21.50	7.84	
13	THPT Cộng Hiền	11.85			12.50		
14	THPT Đồ Sơn	15.80			16.60		
15	THPT Đoàn Thượng	17.50	8.38		18.00	8.33	
16	THPT Đồng Gia	17.00	7.00				
17	THPT Đồng Hoà	18.50	7.93		20.25	8.54	
18	THPT Đường An	18.75	7.60				
19	THPT Gia Lộc	20.25					
20	THPT Gia Lộc II	18.25	7.51				
21	THPT Hà Bắc	18.10	7.73				
22	THPT Hà Đông	16.25	8.03		16.75	7.46	
23	THPT Hải An	21.00	8.71		21.50	9.35	
24	THPT Hồng Bàng	21.75					
25	THPT Hồng Quang	25.75	8.63				
26	THPT Hưng Đạo	17.85	8.35		18.35	8.15	
27	THPT Hùng Thắng	13.20	7.44		14.00		
28	THPT Kê Sắt	18.25	7.50		18.75	7.49	
29	THPT Khúc Thừa Dụ	18.10	8.56		18.60	7.18	
30	THPT Kiến An	23.00	8.93				
31	THPT Kiến Thụy	19.50	8.74				
32	THPT Kim Thành	19.75	7.56				
33	THPT Kim Thành II	16.50	6.94				
34	THPT Kinh Môn II				17.25	7.34	
35	THPT Lê Chân	20.00	8.85		21.00		
36	THPT Lê Hồng Phong	22.75	9.48		23.25	9.28	
37	THPT Lê Ích Mịch	15.10	7.84		15.60	8.01	
38	THPT Lê Quý Đôn	24.50	9.44	9.50			
39	THPT Lý Thường Kiệt	18.25	8.02				
40	THPT Mạc Đĩnh Chi	18.75	8.06		21.45		



TT	Tên trường	Điểm xét tuyển NV1			Điểm xét tuyển NV2		
		Điểm XT	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB Toán + Văn + Ngoại ngữ lớp 9	Điểm XT	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB Toán + Văn + Ngoại ngữ lớp 9
41	THPT Mạc Đình Chi - Nam Sách	17.50	8.19		18.10		
42	THPT Nam Sách	21.50					
43	THPT Nam Sách II	19.00	7.09				
44	THPT Ngô Quyền	25.75	9.54				
45	THPT Nguyễn Bình Khiêm	13.60	6.70				
46	THPT Nguyễn Du	23.00					
47	THPT Nguyễn Đức Cảnh	15.00	8.10		15.60		
48	THPT Nguyễn Khuyến	12.25	6.01		12.75		
49	THPT Nguyễn Thị Duệ				16.50	6.61	
50	THPT Nguyễn Trãi	18.35	8.11				
51	THPT Nguyễn Văn Cừ	22.25	7.66		22.75		
52	THPT Nhữ Văn Lan				16.00	7.86	
53	THPT Phả Lại				17.50		
54	THPT Phạm Ngũ Lão	17.75	8.20				
55	THPT Phan Đăng Lưu	18.25	8.35		18.75		
56	THPT Quang Trung	17.50	7.58		18.00		
57	THPT Quang Trung - Ninh Giang	19.10					
58	THPT Quốc Tuấn	16.00	7.94		16.50		
59	THPT Thái Phiên	25.25	9.31				
60	THPT Thanh Bình				17.50	7.90	
61	THPT Thanh Miện II				18.35		
62	THPT Thanh Miện III	17.50	8.18		18.00	6.72	
63	THPT Thụy Hương	16.85	7.91		17.35		
64	THPT Thủy Sơn	15.85	7.65		16.35		
65	THPT Tiên Lãng	16.25	8.16		17.00		
66	THPT Tô Hiệu	14.50	7.75		15.25		
67	THPT Toàn Thắng	13.10	6.20		13.60		
68	THPT Trần Hưng Đạo	17.25	8.28		17.75		
69	THPT Trần Nguyên Hãn	24.25	9.40				
70	THPT Trần Phú	17.75	8.11				
71	THPT Tứ Kỳ	21.00	8.31				
72	THPT Tuệ Tĩnh	19.50	7.45	6.73			
73	THPT Vĩnh Bảo	15.25					
74	THCS - THPT Lý Thánh Tông	14.00	7.04		14.50	7.63	



Leung